

Bản án số: 133/2025/DS-PT

Ngày 08-5-2025.

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán:

Bà Trương Tô Hương.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLPT-DS, ngày 25 tháng 02 năm 2025, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST, ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 139/2025/QĐ-PT, ngày 21/4/2025, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Mỹ A, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 185 đường Đoàn Thị Đ, khóm 1, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim E, sinh năm 1984. Địa chỉ: A6 khu dân cư Đoàn Thị Đ, khóm 1, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim E là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/8/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trương Thị Mỹ A trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Vào ngày 26/3/2020 và ngày 09/12/2020 bà Nguyễn Thị Kim E có vay của bà Trương Thị Mỹ A số tiền lần lượt là 310.000.000 đồng ngày 26/3/2020 và 450.000.000 đồng ngày 09/12/2020 có biên nhận nợ viết tay 02 lần với tổng số tiền là 760.000.000 đồng, bà A giao tiền mặt cho bà E, trong biên nhận không có thỏa thuận lãi nhưng các bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 6%/tháng.

Tiếp tục thêm nhiều lần khác, cụ thể là 14 lần từ cuối năm 2020 đến năm 2022 bà E có mượn thêm bà A số tiền 280.000.000 đồng có sao kê chuyển khoản của Ngân hàng. Từ tài khoản của bà số 0321000635428 mở tại Ngân hàng Vietcombank qua tài khoản Vietcombank số tài khoản 1013470937 của bà E.

Lần 1: Ngày 11/11/2020 là 20.400.000 đồng chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị N số tài khoản 105870184723 ngân hàng Vietinbank lần này bà E nhờ bà chuyển cho N là cháu của bà E.

Lần 2: Ngày 11/11/2020 là 14.600.000 đồng.

Lần 3: Ngày 12/4/2021 là 15.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 06/4/2021 là 30.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 12/11/2020 là 10.000.000 đồng.

Bà chuyển từ tài khoản của bà số 0987196222 mở tại Ngân hàng Viettinbank qua tài khoản Vietcombank số tài khoản 1013470937 của bà E.

Lần 6: Ngày 24/11/2021 là 10.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 24/11/2021 là 40.000.000 đồng qua tài khoản của bà E mở tại Ngân hàng Lienvietpostbank số tài khoản 0200257447101.

Lần 8: Ngày 30/11/2021 là 5.000.000 đồng qua tài khoản của bà E của mở tại Ngân hàng Lienvietpostbank số tài khoản 0200257447101.

Lần thứ 9: Ngày 30/11/2021 là 45.000.000 đồng từ tài khoản Viettinbank của bà số 0987196222 qua tài khoản Vietcombank số tài khoản 1013470937 của bà E

Lần thứ 10: Ngày 30/11/2021 là 10.000.000 đồng qua tài khoản của bà E của Lienvietpostbank số tài khoản 0200257447101.

Lần thứ 11: Ngày 20/12/2021 là 10.000.000 đồng từ tài khoản Viettinbank qua tài khoản Vietcombank số tài khoản 1013470937 của bà E.

Lần thứ 12: Ngày 27/12/2021 là 10.000.000 đồng qua tài khoản của bà E của Lienvietpostbank số tài khoản 0200257447101.

Lần thứ 13: Ngày 31/12/2021 là 10.000.000 đồng tài khoản Viettinbank qua tài khoản Vietcombank số tài khoản 1013470937 của bà E.

Lần thứ 14: Ngày 14/02/2022 là 50.000.000 đồng qua tài khoản của bà E của Lienvietpostbank số tài khoản 0200257447101.

Tổng cộng số tiền gốc bà E mượn của bà A là 1.040.000.000 đồng và bà E nhiều lần trả tiền cho bà vào tài khoản đã nhận là 824.500.000 đồng hiện còn nợ

gốc 215.500.000 đồng, không trả lãi. Nhưng đến nay rất nhiều lần đến ngày hẹn trả tiền thì bà E liên tục thất hứa, ngang ngược, thách thức không chịu trả tiền cho bà A.

Gần đây nhất vào 22/4/2024 bà E có hứa đến ngày 30/4/2024 bà E sẽ trả tiền cho bà A trước mặt lãnh đạo phòng nơi bà E đang công tác nhưng lại tiếp tục không trả và bà A được lãnh đạo phòng xuất nhập cảnh Công an tỉnh Sóc Trăng hướng dẫn khởi kiện ra Tòa.

Việc bà E trình bày có 03 lần chuyển tiền là lần 1, lần 2, lần 5 là đã nhập vào biên nhận số tiền 450.000.000 đồng là không chính xác, vì nếu mượn tiền mặt thì ghi biên nhận còn nếu chứng từ chuyển khoản thì không có ký biên nhận.

Nay bà Trương Thị Mỹ A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim E trả cho bà Trương Thị Mỹ A số tiền vốn 350.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 1,66%/tháng (581.000 đồng/tháng) tính từ ngày 01/3/2024 đến ngày 01/8/2024 với tổng số tiền lãi là 2.905.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 02/8/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa bà A xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim E trả cho bà Trương Thị Mỹ A số tiền vốn 215.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 1,66%/tháng (3.577.000 đồng/tháng) tính từ ngày 01/5/2024 (vì lần cuối cùng bà E trả nợ cho bà là ngày 27/4/2024) đến ngày 07/01/2025 là 08 tháng 06 ngày với số tiền lãi là 29.333.860 đồng. Tổng cộng: 244.833.860 đồng.

** Tại văn bản trình bày 17/11/2024, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim E trình bày:*

Bà thừa nhận có giao dịch vay tiền với bà A, việc vay và trả tiền thông qua hình thức đưa tiền mặt (có viết 02 biên nhận bà mượn tiền bà A, tuy nhiên không có biên nhận việc bà đưa tiền cho bà A) và chuyển khoản giữa tài khoản của bà (Ngân hàng LienVietPostBank: 0200.2574.47101; Ngân hàng MBBank: 0000.3776.7009 và Ngân hàng VPBank: 0832.380749) và tài khoản của bà A (Ngân hàng ViettinBank: 1008.9879.0909 (0987.196.222) và Ngân hàng Vietcombank: 0321.0006.35428). Cụ thể bà thừa nhận có mượn của bà A các lần: Vào ngày 26/3/2020 số tiền là 310.000.000 đồng và ngày 09/12/2020 số tiền là 450.000.000 đồng có biên nhận nợ viết tay 02 lần với tổng số tiền là 760.000.000 đồng. Và các lần chuyển khoản sau ngày ký hai biên nhận thì bà thừa nhận là bà A đã chuyển vào tài khoản của bà là 14 lần như bà A trình bày nhưng có 03 lần bao gồm:

Lần 1: Ngày 11/11/2020 là 20.400.000 đồng chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị N số tài khoản 105870184723 ngân hàng Viettinbank lần này do tôi nhờ A chuyển cho N là cháu của tôi.

Lần 2: Ngày 11/11/2020 là 14.600.000 đồng.

Lần 5: Ngày 12/11/2020 là 10.000.000 đồng

Tổng cộng là 45.000.000 đồng đây là số tiền đã nằm trong biên nhận ngày 09/12/2020 với số tiền 450.000.000 đồng.

Tổng cộng bà đã vay thêm của bà A số tiền 235.000.000 đồng qua các lần chuyển khoản như bà A trình bày. Tổng cộng bà đã vay tiền mặt và chuyển khoản là 995.000.000 đồng, trong biên nhận không có thỏa thuận lãi nhưng các bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 6%/tháng. Bà đã trả được cho bà A số tiền gốc là 824.500.000 đồng trả bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng, lần cuối cùng bà chuyển khoản trả cho bà A là ngày 27/4/2024 với số tiền 3.000.000 đồng. Nay chỉ còn nợ bà A số tiền 170.500.000 đồng. Bà chỉ đồng ý trả cho bà A số tiền gốc 170.500.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi chậm trả với lãi suất là 1,66%/tháng, thời gian tính lãi chấp nhận từ tháng 05/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà xin trình bày thêm là trong biên nhận ngày 09/12/2020 chỉ ghi bà có mượn số tiền mặt là 450.000.000 đồng chứ không có ghi nội dung là chuyển khoản bao nhiêu và trả tiền mặt là bao nhiêu.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST, ngày 07/01/2025 đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95; Điều 147; khoản 1 Điều 244, Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ A. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim E có nghĩa thanh toán cho bà Trương Thị Mỹ A số tiền: 244.833.860 đồng, trong đó vốn là 215.500.000 đồng, lãi 29.333.860 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 20/01/2025, bị đơn Nguyễn Thị Kim E kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Xác định số tiền vốn bị đơn E còn thiếu nguyên đơn A là 995.000.000 đồng - 824.500.000 đồng = 170.500.000 đồng, không bao gồm số tiền của 03 lần chuyển khoản cụ thể là: Ngày 11/11/2020 chuyển cho Nguyễn Thị N là cháu của bị đơn E số tiền 20.400.000 đồng; cùng ngày 11/11/2020 chuyển cho bị đơn E số tiền 14.600.000 đồng và ngày 12/11/2020 chuyển cho bị đơn E số tiền 10.000.000 đồng; tổng cộng là: 45.000.000 đồng, vì 03 lần chuyển tiền này là chuyển trước khi viết giấy vay nợ ngày 09/12/2020.

- Xem xét áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định lãi suất là 10%/năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn A không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn E không rút lại đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự có mặt đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn E, vì bị đơn E không chứng minh được kháng cáo của mình là có căn cứ pháp luật, trong khi nguyên đơn A không đồng ý theo kháng cáo của bị đơn E. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn E là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn E là hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

* Bị đơn E kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết:

- Xác định số tiền vốn bị đơn E còn thiếu nguyên đơn A cụ thể là 995.000.000 đồng - 824.500.000 đồng = 170.500.000 đồng, không bao gồm số tiền của 03 lần chuyển khoản cụ thể là: Ngày 11/11/2020 chuyển cho Nguyễn Thị N là cháu của bị đơn E số tiền 20.400.000 đồng; cùng ngày 11/11/2020 chuyển cho bị đơn E số tiền 14.600.000 đồng và ngày 12/11/2020 chuyển cho bị đơn E số tiền 10.000.000 đồng; tổng cộng là: 45.000.000 đồng, vì 03 lần chuyển tiền này là chuyển trước khi viết giấy vay nợ ngày 09/12/2020.

- Xem xét áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định lãi suất là 10%/năm.

* Nguyên đơn A không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn E, vì khi vay tiền các bên thỏa thuận: Khi giao nhận bằng tiền mặt thì viết biên nhận, tiền chuyển khoản thì căn cứ vào sao kê của Ngân hàng. Sau ngày 09/12/2020, nguyên đơn A chuyển cho bị đơn E nhiều lần nhưng các bên cũng không làm biên nhận. Các bên thỏa thuận tiền lãi là 6%/tháng nhưng mức lãi suất này cao hơn quy định của pháp luật. Vì vậy, tại phiên tòa của Tòa án nhân dân thành phố S các bên đã xác định là 20%/năm, đề nghị giữ nguyên mức lãi suất 20%/năm.

[3] *Xét kháng của bị đơn E về việc xác định số tiền vốn bị đơn E còn thiếu nguyên đơn A là 170.500.000 đồng, thì thấy rằng:*

- Tại phiên tòa phúc thẩm và trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn A và bị đơn E đều thừa nhận: Ngày 26/03/2020 (bút lục số 195) bị đơn E có viết biên nhận vay của nguyên đơn A số tiền 310.000.000 đồng và ngày 09/12/2020 (bút lục số 196) bị đơn E có viết biên nhận vay của nguyên đơn A số tiền 450.000.000 đồng, ngoài ra nguyên đơn A còn chuyển khoản cho bị đơn E 14 lần với tổng số tiền 280.000.000 đồng, sau đó bị đơn E đã trả cho nguyên đơn A nhiều lần với tổng số tiền là 824.500.000 đồng. Vì vậy, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Bị đơn E cho rằng 03 lần chuyển khoản ngày 11/11/2020 chuyển số tiền 20.400.000 đồng; cùng ngày 11/11/2020 chuyển số tiền 14.600.000 đồng và ngày 12/11/2020 chuyển số tiền 10.000.000 đồng; tổng cộng là: 45.000.000 đồng, cả 03 lần chuyển tiền này là chuyển trước khi viết giấy vay nợ ngày 09/12/2020 nhưng bị đơn E quên không trừ lại khi viết biên nhận nợ ngày 09/12/2020.

Ngoài lời trình bày nêu trên, bị đơn E không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh: Số tiền 45.000.000 đồng của 03 lần chuyển khoản nêu trên là trong khoản tiền mà bị đơn E đã vay và viết biên nhận nợ vào ngày 09/12/2020. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn E về việc cần trừ số tiền 45.000.000 đồng vào biên nhận nợ ngày 09/12/2020 không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] *Xét kháng của bị đơn E về việc tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì thấy rằng:*

- Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn A và bị đơn E đều thừa nhận: Biên nhận ngày 26/3/2020 và biên nhận ngày 09/12/2020 không ghi lãi, nhưng các bên đều thừa nhận: Lãi thỏa thuận lãi là 6%/tháng. Ngoài ra, nguyên đơn A và bị đơn E đều thừa nhận: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/01/2025, nguyên đơn A yêu cầu mức lãi suất là 20%/năm và bị đơn E cũng đồng ý nên được Tòa án thành phố S ghi nhận. Vì vậy, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn A cho rằng: Từ khi vay đến nay, bị đơn E chỉ trả được tổng số tiền là 824.500.000 đồng và được các xác định là tiền vốn, bị đơn E chưa trả được khoản tiền lãi nào.

- Bị đơn E cho rằng: Từ khi vay đến nay, bị đơn E đã trả cho nguyên đơn A số tiền vốn tổng cộng là 824.500.000 đồng. Ngoài ra, bị đơn E còn trả cho nguyên đơn A nhiều lần nhưng không có tài liệu chứng, cứ để chứng minh.

Như vậy, có căn cứ để xác định, số tiền 824.500.000 đồng bị đơn E trả cho nguyên đơn A là tiền vốn, không phải tiền lãi.

Các bên không tranh chấp về lãi suất, nhưng do lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn so với quy định của pháp luật và tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã đồng ý xác định lãi suất 20%/năm, mức lãi suất này là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn E về việc tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

Bị đơn E không chứng minh được kháng cáo của mình là có căn cứ pháp luật, trong khi nguyên đơn A không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn E. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn E, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc: Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn E, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ đã được viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] *Án phí dân sự phúc thẩm*: Do kháng cáo của bị đơn E không được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn E phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Kim E.

I- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST, ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

II- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Bị đơn Nguyễn Thị Kim E phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bị đơn E đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008872, ngày 07/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn E đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung